

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI**

Tỉnh Thái Bình

Bản án số: 03/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 14/02/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Chiến Thành.

2. Ông Hoàng Văn Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông
Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh
Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2018/TLST- HNGĐ ngày
21/12/2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 01/2019/QĐXX- ST ngày 25/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị Y, anh C vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn xin ly hôn ngày 01/10/2018, bản tự khai ngày 21/12/2018, biên bản
lấy lời khai ngày 11/01/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/01/2019, nguyên
đơn là chị Hoàng Thị Y trình bày:* Chị và anh Đỗ Văn C kết hôn với nhau là tự
nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh
Thái Bình ngày 10/02/2003. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống hạnh phúc
được bốn năm thì mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi
chửi nhau. Từ đầu năm 2008 cho đến nay chị và anh C sống ly thân, không ai quan
tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y đề nghị Tòa án nhân
dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con C: Chị và anh C có ba con chung là Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003,
Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006 và Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008. Từ khi vợ
chồng sống ly thân hai con chung Đỗ Hoàng A và Đỗ Hoàng L do anh C trực tiếp
nuôi dưỡng, chăm sóc còn con Đỗ Trung K do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.
Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Trung K còn để hai con Đỗ

Hoàng A và Đỗ Hoàng L cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con C chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/01/2019 bị đơn là anh Đỗ Văn C trình bày: Anh và chị Y kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 10/02/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được bốn năm thì mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ năm 2008 cho đến nay anh và chị Y sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con C: Anh và chị Y có hai con chung là Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006. Từ khi vợ chồng sống ly thân hai con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên vọng của anh C xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con Đỗ Hoàng A và Đỗ Hoàng L, anh không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con C cùng anh. Đối với cháu Đỗ Trung K, trong thời gian chị Y sinh con thì anh và chị Y đã sống ly thân nên anh không xác định được cháu K có phải là con của anh không. Vì vậy đối với cháu Đỗ Trung K chị Y phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu K. Anh C không yêu cầu xét nghiệm ADN đối với cháu Đỗ Trung K.

Về tài sản chung, công nợ: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nguyên đơn và bị đơn không tham gia phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị Y được ly hôn anh Đỗ Văn C; về con chung: Xác định chị Hoàng Thị Y và anh Đỗ Văn C có ba con chung là Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003, Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006 và Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008. Giao hai con chung Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006 cho anh chung trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không giải quyết; về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa chị Hoàng Thị Y và anh Đỗ Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Chị Y, anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y và anh Đỗ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm kết hôn Chị Y, anh C đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Y và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và từ đầu năm 2008 cho đến nay chị Y và anh C không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, cả chị Y và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy là hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Y xác định chị và anh C có ba con chung là Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003, Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006 và Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008. Đối với bị đơn là anh Đỗ Văn C xác định vợ chồng có hai con chung là Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006. Tuy nhiên, tại giấy khai sinh số 51/2009 của Ủy ban nhân dân xã A xác định cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008 có cha đẻ là Đỗ Văn C, sinh năm 1965 và mẹ đẻ là Hoàng Thị Y, sinh năm 1980. Mặt khác cháu Đỗ Trung K được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Tại khoản 1 điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã yêu cầu chị Y và anh C đi xét nghiệm ADN đối với cháu Đỗ Trung K nhưng cả chị Y và anh C đều không đi xét nghiệm ADN đối với cháu Đỗ Trung K. Theo quy định tại khoản 2 điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình thì trong trường hợp cha mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ. Như vậy, anh C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cháu Đỗ Trung K không phải là con của anh. Vì vậy, căn cứ vào điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xác định cháu Đỗ Trung K là con chung của chị Hoàng Thị Y và anh Đỗ Văn C.

Về nguyện vọng nuôi con: Anh C có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Hoàng A và Đỗ Hoàng L. Chị Y cũng đồng ý để anh C tiếp tục nuôi dưỡng hai con Đỗ Hoàng A, Đỗ Hoàng L và hai cháu Đỗ Hoàng A, Đỗ Hoàng L cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y và anh C, giao hai con chung Đỗ Hoàng A và Đỗ Hoàng L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Đỗ Trung K, chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung Đỗ Trung K. Cháu Đỗ Trung K cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung Đỗ Trung K cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia

đình. Anh C, chị Y không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con C nên việc cấp dưỡng nuôi con C không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, công nợ*: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hoàng Thị Y và anh Đỗ Văn C được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Y được ly hôn với anh Đỗ Văn C.

2/ Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Hoàng A, sinh ngày 30/9/2003 và Đỗ Hoàng L, sinh ngày 25/8/2006 cho anh Đỗ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Đỗ Trung K, sinh ngày 22/11/2008 cho chị Hoàng Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Hoàng Thị Y, anh Đỗ Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0008925 ngày 21/12/2018.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Linh